

Số: 2432 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/11/2018 của Chính phủ, về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/11/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2193/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ (124) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

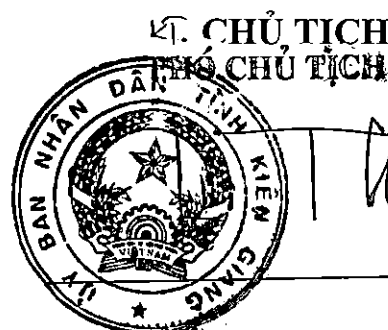
**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *HL*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT, UBND tỉnh;
- LĐVP, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, tqdat.



**Lâm Minh Thành**

1952  
1953  
1954  
1955  
1956  
1957  
1958  
1959  
1960  
1961  
1962  
1963  
1964  
1965  
1966  
1967  
1968  
1969  
1970  
1971  
1972  
1973  
1974  
1975  
1976  
1977  
1978  
1979  
1980  
1981  
1982  
1983  
1984  
1985  
1986  
1987  
1988  
1989  
1990  
1991  
1992  
1993  
1994  
1995  
1996  
1997  
1998  
1999  
2000  
2001  
2002  
2003  
2004  
2005  
2006  
2007  
2008  
2009  
2010  
2011  
2012  
2013  
2014  
2015  
2016  
2017  
2018  
2019  
2020  
2021  
2022  
2023  
2024  
2025

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**PHẦN I**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

**A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	
1	Phê duyệt liên kết giáo dục	
2	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	
3	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết.	
4	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
5	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
6	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	
7	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
8	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
9	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
10	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
11	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	
12	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	
13	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	
14	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	
15	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	



16	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	
17	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	
18	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	
19	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	
20	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	
21	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	
22	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	
23	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	
24	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	
25	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	
26	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	
27	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	
28	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	
29	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.	
30	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại.	
31	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên.	
32	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	
33	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	
34	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	
35	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	
36	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	
37	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	
38	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	
39	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	
40	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	
41	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	
42	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	

43	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	
44	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	
45	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	
46	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	
47	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	
48	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	
49	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	
50	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên.	
51	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	
52	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng GD.	
53	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)	
54	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	
55	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông.	
56	Xét, cấp học bổng chính sách	
57	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	
58	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	
59	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	
60	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	
61	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.	
62	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên.	
63	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	
64	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
65	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	
66	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	
67	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục.	
68	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	

69	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	
70	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	
71	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia	
72	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	
73	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	
74	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
75	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
76	Xét, cấp học bổng chính sách	
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC: QUY CHẾ THI, TUYỂN SINH</b>	
1	Đăng ký xét tuyển đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	
2	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	
3	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT)	
4	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	
5	Nhập học vào trường đã trúng tuyển	
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ</b>	
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	
2	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	
3	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	

**PHẦN II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM**  
**QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP**  
**HUYỆN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

**A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

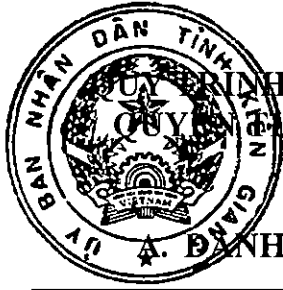
STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	
5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	
7	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	
8	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	
9	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
10	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
11	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	
12	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	
13	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
14	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	
15	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
16	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	
17	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
18	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
19	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
20	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	
21	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
22	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	



23	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	
24	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	
25	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
26	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	
27	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	
28	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	
29	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	
30	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	
31	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.	
32	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.	
33	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
34	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
35	Xét, cấp học bổng chính sách	







**PHẦN III**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM**  
**QUYỀN CHẤP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  
**ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

**ĐANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	
1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	